BỘ TÀI CHÍNH - BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

BỘ TÀI CHÍNH - BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 90/2015/TTLT-BTC-BKHĐT	*Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2015*

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với hoạt động xúc tiến đầu tư

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 26/2012/QĐ-TTg ngày 08/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế xây dựng và thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 03/2014/QĐ-TTg ngày 14/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý nhà nước đối với hoạt động xúc tiến đầu tư;

Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với hoạt động xúc tiến đầu tư.

Mục I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với các hoạt động xúc tiến đầu tư quy định tại Quy chế quản lý nhà nước đối với hoạt động xúc tiến đầu tư ban hành kèm theo Quyết định số 03/2014/QĐ-TTg ngày 14/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm:

a) Các hoạt động xúc tiến đầu tư thuộc chương trình của các đoàn cấp cao của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước;

b) Các hoạt động xúc tiến đầu tư của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (UBND cấp tỉnh), Ban quản lý khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất, khu kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu (Ban quản lý).

2. Cơ chế tài chính đối với hoạt động thuộc chương trình Xúc tiến đầu tư quốc gia thực hiện theo Thông tư số 31/2013/TT-BTC ngày 18/3/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính chương trình Xúc tiến đầu tư quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đơn vị tổ chức thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư gồm: Các Bộ và cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ; UBND cấp tỉnh; Ban quản lý; các tổ chức, cá nhân được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư bằng ngân sách nhà nước.

2. Đơn vị tham gia các hoạt động xúc tiến đầu tư: các cơ quan, doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng.

3. Các tổ chức, các cá nhân khác có liên quan đến việc tổ chức và thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư

1. Kinh phí xúc tiến đầu tư của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của các Bộ, ngành.

2. Kinh phí xúc tiến đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của địa phương.

3. Kinh phí hoạt động xúc tiến đầu tư của các Ban quản lý được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm và các nguồn thu hợp pháp của Ban quản lý.

4. Ngoài ra, các đơn vị thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư được phép huy động kinh phí từ các nguồn đóng góp, tài trợ của các tổ chức, hiệp hội, doanh nghiệp và nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý chi tiêu

1. Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư nằm trong chương trình xúc tiến đầu tư đã được phê duyệt phải được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả, theo đúng quy định về tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu hiện hành và mức chi cho nội dung chương trình theo quy định tại Thông tư này.

2. Đối với các nội dung chi chưa có chế độ hướng dẫn, căn cứ theo hợp đồng, hóa đơn chứng từ chi tiêu thực tế, hợp lý, hợp pháp theo quy định của pháp luật, đơn vị chủ trì phải chịu trách nhiệm về các quyết định chi cũng như tính chính xác, trung thực của các khoản chi và chứng từ kèm theo.

3. Đối với các khoản chi theo quy định phải thực hiện đấu thầu thì áp dụng theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn Luật Đấu thầu.

4. Ngân sách nhà nước bố trí kinh phí cho hoạt động xúc tiến đầu tư của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Ban quản lý, các tổ chức cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư. Các đối tượng khác tham gia hoạt động xúc tiến đầu tư tự trang trải kinh phí.

5. Việc huy động các nguồn lực xã hội phải đảm bảo minh bạch, rõ ràng, phù hợp với kế hoạch, chương trình được phê duyệt, phù hợp với các quy định của pháp luật, đảm bảo cân đối hài hòa lợi ích chung của xã hội và lợi ích của các bên liên quan.

Kinh phí tài trợ của các tổ chức, doanh nghiệp, kinh phí huy động từ nguồn hợp pháp, kinh phí thu được bên lề các hoạt động Xúc tiến đầu tư đều phải thể hiện đầy đủ trong quyết toán chương trình và được giảm trừ vào nguồn kinh phí ngân sách hỗ trợ. Trường hợp kinh phí huy động vượt quá kinh phí thực hiện của hoạt động xúc tiến đầu tư trong năm thì được sử dụng cho chương trình hoạt động xúc tiến đầu tư của năm sau.

Mục II
NỘI DUNG, ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ

Điều 5. Nội dung chi được Ngân sách nhà nước hỗ trợ

1. Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư:

a) Thu thập thông tin, nghiên cứu, tổng hợp xây dựng các đề án, báo cáo: Hỗ trợ chi phí thu thập tài liệu, chi phí viết chuyên đề, báo cáo;

b) Tổ chức các đoàn khảo sát, nghiên cứu trong nước và nước ngoài:

- Đối với các đoàn khảo sát, nghiên cứu trong nước: Hỗ trợ công tác phí cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện tổ chức, tham gia đoàn khảo sát, nghiên cứu.

- Đối với các đoàn khảo sát, nghiên cứu tại nước ngoài:

Hỗ trợ công tác phí cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện tổ chức đoàn nghiên cứu khảo sát. Đối với đơn vị tham gia đoàn, hỗ trợ công tác phí cho 1 cán bộ, công chức, viên chức/1 đơn vị tham gia. Trường hợp theo yêu cầu cấp bách về xúc tiến đầu tư thì các Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh quyết định số lượng người tham gia nghiên cứu khảo sát nhưng không quá 2 cán bộ, công chức,viên chức/1 đơn vị tham gia;

c) Tổ chức các diễn đàn, hội nghị, hội thảo, trong nước và nước ngoài:

- Hỗ trợ chi phí thuê hội trường, trang thiết bị, trang trí, chi phí in ấn, phô tô tài liệu, phiên dịch, giải khát giữa giờ, chi phí văn phòng phẩm, hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu theo quy định.

- Đối với hội nghị, hội thảo trong nước: Hỗ trợ chi phí công tác phí cho cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị tổ chức, tham gia hội nghị, hội thảo.

- Đối với hội nghị, hội thảo tại nước ngoài: Hỗ trợ chi phí công tác phí cho cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị tổ chức hội nghị, hội thảo. Đối với đơn vị tham gia hội nghị, hội thảo, hỗ trợ công tác phí cho 1 cán bộ, công chức, viên chức/1 đơn vị tham gia. Trường hợp theo yêu cầu cấp bách nhằm tuyên truyền quảng bá, xúc tiến đầu tư thì các Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh quyết định số lượng người tham gia hội nghị, hội thảo tại nước ngoài nhưng không quá 2 cán bộ, công chức, viên chức/1 đơn vị tham gia.

2. Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư:

- Hỗ trợ chi phí thu thập, hệ thống hóa các số liệu; môi trường đầu tư; pháp luật, chính sách, thủ tục đầu tư; tiềm năng, cơ hội và đối tác đầu tư;

- Hỗ trợ chi phí xây dựng và vận hành trang thông tin điện tử về pháp luật, chính sách, thủ tục đầu tư, môi trường, tiềm năng, cơ hội đầu tư, đối tác đầu tư.

3. Xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư:

a) Chi phí thu thập, tổng hợp tài liệu;

b) Chi phí dịch thuật tài liệu;

c) Chi phí tư vấn, thiết kế, in ấn xây dựng nội dung chi tiết dự án thuộc Danh mục dự án;

d) Chi phí khảo sát điều tra thực tế;

đ) Chi phí tổ chức họp lấy ý kiến: Thuê hội trường, trang thiết bị, trang trí, nước uống, chi phí văn phòng phẩm.

4. Xây dựng các ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư:

a) Sách hướng dẫn, tờ rơi: Hỗ trợ chi phí viết bài, biên tập, chi phí thiết kế, in ấn và phát hành.

Đối với danh mục dự án kêu gọi đầu tư và nội dung chi tiết của dự án thuộc Danh mục kêu gọi đầu tư: Hỗ trợ chi phí in ấn, phát hành (chi phí xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư được hỗ trợ theo quy định tại Khoản 3 Mục 1 Điều 5);

b) Các tài liệu nghiên cứu tổng hợp, nghiên cứu chuyên đề: Hỗ trợ chi phí thu thập tài liệu, chi viết bài nghiên cứu, viết chuyên đề;

c) Các chuyên đề, bài báo, tạp chí, chương trình phát thanh, truyền hình, quảng cáo để đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng trong nước và nước ngoài:

Hỗ trợ chi phí viết bài, biên tập, xây dựng chương trình, chi phí phát sóng và đăng tải trên các phương tiện thông tin;

d) Quà tặng, đồ lưu niệm: Hỗ trợ chi phí thiết kế, làm quà tặng, chi phí mua và vận chuyển quà tặng cho các đối tác theo quy định.

5. Các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về môi trường, chính sách, tiềm năng, cơ hội và kết nối đầu tư:

a) Tổ chức, tham gia các hội nghị, hội thảo diễn đàn, tọa đàm trong nước và nước ngoài: nội dung hỗ trợ quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này;

b) Tổ thức, tham gia hội chợ về xúc tiến đầu tư: Hỗ trợ kinh phí tổ chức hội chợ triển lãm bao gồm chi phí thuê mặt bằng gian hàng quốc gia (bao gồm cả các chi phí điện, nước, trang trí, chi phí thiết kế và vật liệu cần thiết), chi phí in ấn tài liệu (nếu có) và vận chuyển tài liệu vật phẩm cho hoạt động xúc tiến đầu tư tới địa điểm tổ chức, chi phí văn phòng phẩm, chi phí quảng bá cho hoạt động tổ chức hội chợ, chi phí thuê công ty tổ chức sự kiện, công tác phí cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện tổ chức hoặc tham gia chương trình;

c) Tổ chức, tham gia các cuộc tiếp xúc, gặp gỡ với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và nhà đầu tư; Tổ chức, tham gia đoàn công tác để xúc tiến đầu tư theo từng chuyên đề hoặc đối tác cụ thể:

- Hỗ trợ chi phí công tác phí trong và ngoài nước cho cán bộ công chức, viên chức thực hiện;

- Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, trang thiết bị, trang trí, chi phí tài liệu, phiên dịch, giải khát giữa giờ, chi phí văn phòng phẩm (trường hợp phía Việt Nam là đơn vị tổ chức).

d) Thực hiện các chương trình tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng trong nước và nước ngoài, đặt hàng cơ quan truyền thông trong nước và nước ngoài viết bài, làm phóng sự trên báo chí, truyền thanh, truyền hình, trang thông tin điện tử, làm phim quảng bá môi trường đầu tư tại Việt Nam theo hợp đồng trọn gói;

đ) Các hình thức tuyên truyền, quảng bá khác.

6. Đào tạo, tập huấn, tăng cường năng lực về xúc tiến đầu tư:

Hỗ trợ các chi phí: thuê hội trường; trang thiết bị; trang trí; chi phí in ấn, phô tô tài liệu; phiên dịch; giải khát giữa giờ; thù lao giảng viên, chi phí văn phòng phẩm; chi phí làm giấy chứng nhận khóa học, chi phí thông tin liên lạc tổ chức lớp học, công tác phí cho đối tượng tổ chức, tham gia khóa học là cán bộ công chức, viên chức.

7. Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư trong việc tìm hiểu về pháp luật, chính sách, thủ tục đầu tư; tiềm năng thị trường, đối tác và cơ hội đầu tư, triển khai dự án sau khi được cấp giấy chứng nhận đầu tư, bao gồm:

a) Cung cấp các thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, tình hình đầu tư; quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngành và vùng lãnh thổ, pháp luật, cơ chế, chính sách, tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư khi có yêu cầu của doanh nghiệp và nhà đầu tư;

b) Hướng dẫn thủ tục đầu tư;

c) Hướng dẫn và hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai dự án đầu tư;

d) Tiếp nhận, tổng hợp và trình cơ quan có thẩm quyền giải quyết các đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp, nhà đầu tư.

8. Thực hiện các hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế về xúc tiến đầu tư.

Điều 6. Định mức chi

Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động xúc tiến đầu tư theo nội dung chi được quy định tại Điều 5 Thông tư này và được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức chi thực tế hợp lý nhưng không vượt quá các định mức chi hiện hành quy định đối với cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Cụ thể như sau:

1. Chi hội nghị, hội thảo và công tác phí cho đối tượng đi công tác trong nước theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thực hiện các công việc về xúc tiến đầu tư thực hiện theo Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Chi thanh toán công tác phí cho đối tượng đi nước ngoài thực hiện, tham gia các hoạt động xúc tiến đầu tư theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách Nhà nước đảm bảo kinh phí.

3. Chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế về xúc tiến đầu tư theo quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước.

4. Chi tổ chức các lớp đào tạo nâng cao năng lực và kỹ năng xúc tiến đầu tư cho các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực thu hút đầu tư và doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

5. Chi nghiên cứu, xây dựng các đề án đánh giá tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư thực hiện theo quy định tại Thông tư số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN ngày 07/5/2007 của Liên Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

6. Chi vận hành trang thông tin điện tử về pháp luật, chính sách thủ tục đầu tư, môi trường tiềm năng, cơ hội đầu tư, đối tác đầu tư: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 15/02/2012 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch và đầu tư - Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước.

7. Đối với các nội dung chi chưa có chế độ hướng dẫn, các khoản chi có tính chất đặc thù như hoạt động thông tin, tuyên truyền phương tiện thông tin đại chúng trong và ngoài nước; xuất bản các ấn phẩm, sách, tài liệu; chi làm phim; chi quảng bá; chi tổ chức sự kiện, phiên dịch tại nước ngoài..., các đơn vị thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư phải thực hiện chào giá cạnh tranh hoặc đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn Luật Đấu thầu.

Mục III
QUY ĐỊNH VỀ LẬP DỰ TOÁN, PHÂN BỔ DỰ TOÁN, TẠM ỨNG, QUYẾT TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN ĐẦU TƯ, KIỂM TRA GIÁM SÁT

Điều 7. Lập và phân bổ dự toán kinh phí

1. Đối với các hoạt động xúc tiến đầu tư của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ:

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư cùng với kế hoạch ngân sách hàng năm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ gửi Bộ Tài chính.

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, ý kiến bằng văn bản về việc thống nhất thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thực hiện phân công của Chính phủ báo cáo Quốc hội xem xét phê duyệt và bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ để thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ căn cứ dự toán Bộ Tài chính được giao, thực hiện phân bổ dự toán chi tiết cho các đơn vị trực thuộc thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư.

2. Đối với hoạt động xúc tiến đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban quản lý khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất, khu kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu:

Căn cứ ý kiến bằng văn bản về việc thống nhất thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND cấp tỉnh căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương để giao nhiệm vụ và bố trí kinh phí cho các đơn vị thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư. Kinh phí hoạt động xúc tiến đầu tư được bố trí chung trong dự toán ngân sách địa phương hàng năm.

3. Đối với hoạt động xúc tiến đầu tư phát sinh đột xuất theo chương trình công tác của Đảng, Nhà nước: Bộ Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối thực hiện, xây dựng dự toán, đề xuất kinh phí, gửi Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Điều 8. Thủ tục tạm ứng, thanh quyết toán kinh phí

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh thực hiện tạm ứng và thanh quyết toán kinh phí thông qua rút dự toán tại Kho bạc nhà nước theo quy định tại Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước. Kho bạc nhà nước thực hiện kiểm soát chi, đảm bảo việc sử dụng kinh phí xúc tiến đầu tư đúng mục đích, đúng chế độ và quy định tại Thông tư này.

Điều 9. Chế độ báo cáo

1. Chậm nhất đến ngày 31/01 năm sau, các Bộ, UBND cấp tỉnh có báo cáo về tình hình thực hiện và sử dụng, quyết toán kinh phí được giao để thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (theo biểu mẫu tại Phụ lục 01).

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp tình hình thực hiện kinh phí hoạt động xúc tiến đầu tư của năm (theo biểu mẫu tại Phụ lục 02) và đánh giá hiệu quả sử dụng kinh phí hoạt động xúc tiến đầu tư gửi Bộ Tài chính trước ngày 31/3 hàng năm.

Điều 10. Kiểm tra giám sát

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Ban quản lý chịu trách nhiệm giám sát các đơn vị trực thuộc thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư và đơn vị tham gia.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Ban quản lý có trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu và chịu sự thanh tra, kiểm tra,

giám sát việc sử dụng kinh phí nhà nước hỗ trợ của các cơ quan quản lý theo chức năng quy định.

3. Trường hợp phát sinh các khoản kinh phí phải thu hồi qua kiểm tra của các cơ quan chức năng, các đơn vị được giao thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư có nghĩa vụ hoàn trả ngân sách nhà nước và báo cáo về Bộ Tài chính kết quả thực hiện theo quy định của pháp luật.

Mục IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2015.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND cấp tỉnh, Ban quản lý và các đơn vị liên quan phản ánh về Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư để phối hợp nghiên cứu hướng dẫn./.

KT. BỘ TRƯỞNG **BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ** **THỨ TRƯỞNG**	**KT. BỘ TRƯỞNG** **BỘ TÀI CHÍNH** **THỨ TRƯỞNG**
Nguyễn Văn Trung	**Trần Văn Hiếu**

PHỤ LỤC 01

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 90/2015/TTLT-BTC-BKHĐT)

ĐƠN VỊ:.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN, SỬ DỤNG KINH PHÍ XÚC TIẾN ĐẦU TƯ NĂM...

I. NỘI DUNG BÁO CÁO

1. Số lượng hoạt động xúc tiến đầu tư được phê duyệt:

2. Số lượng hoạt động xúc tiến đầu tư thực hiện:

3. Tình hình thực hiện:

- Nội dung hoạt động xúc tiến đầu tư:
- Địa điểm thực hiện:
- Phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan để tổ chức hoạt động xúc tiến đầu tư:
- Kết quả thực hiện:

4. Nhận xét/Kiến nghị

- Thuận lợi:
- Khó khăn, hạn chế:
- Kiến nghị, đề xuất (nếu có):

II. TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN ĐẦU TƯ NĂM...

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán NSNN bố trí	Chi phí thực hiện			Ghi chú
			Tổng chi phí	NSNN hỗ trợ	Huy động đóng góp, tài trợ	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)
1	**Hoạt động nghiên cứu, đánh giá tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư**					
1.1						
1.2						
...						
2	**Hoạt động xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động xúc tiến đầu tư**					
2.1						
2.2						
...						
3	**Xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư**					
3.1						
3.2						
...						
4	**Xây dựng ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho hoạt động XTĐT**					
4.1						
4.2						
...						

Số TT	Nội dung	Dự toán NSNN bố trí	Chi phí thực hiện			Ghi chú
			Tổng chi phí	NSNN hỗ trợ	Huy động đóng góp, tài trợ	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)
5	**Hoạt động tuyên truyền quảng bá giới thiệu môi trường, chính sách, tiềm năng, cơ hội và kết nối đầu tư**					
5.1						
5.2						
...						
6	**Đào tạo, tập huấn, tăng cường năng lực về xúc tiến đầu tư**					
6.1						
6.2						
...						
7	**Các hoạt động Xúc tiến đầu tư khác**					
7.1						
7.2						
…						
	TỔNG CỘNG					

..., ngày.... tháng.... năm.....

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 02

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 90/2015/TTLT-BTC-BKHĐT)

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

TỔNG HỢP KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN ĐẦU TƯ NĂM....

Số TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số các hoạt động	Kinh phí NSNN bố trí	Kinh phí thực hiện	NSNN hỗ trợ	Huy động đóng góp, tài trợ	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5) = (6)+(7)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
A-	**Các Bộ, cơ quan ngang Bộ**						
1							
2							
...							
B-	**UBND cấp tỉnh**						
1							
2							
…							
C-	**Ban quản lý KCN**						
1							
2							
...							
	Tổng cộng						

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu cơ quan)